

Bản án số: 51/2022 /HS-PT
Ngày 12 - 4 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miên

Ông Nguyễn Trọng Quế

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Trung Khả là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Mộng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 53/2021/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Huỳnh Thị T, do có kháng cáo của các bị hại Phan Thị Đ và Đặng Thanh L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2021/HS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo không có kháng cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Thị T**; sinh năm 1984 tại huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: ấp A, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn S và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có chồng và 02 người con; tiền án, tiền sự: không; cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 07/01/2019 (bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa).

- Các bị hại có kháng cáo:

1. Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1988 (có mặt);

2. Ông Đặng Thanh L, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Đặng Thanh L và Phan Thị Đ: Luật sư Đặng Văn Nam – Văn phòng Luật sư Đặng Văn Nam thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Các bị hại không có kháng cáo (Tòa án không triệu tập):

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp 6, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; 2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp 6, xã Khánh

Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; 3. Bà Trần Hồng T (Tur Định), sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp 7, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; 4. Bà Lê Thị Q (Hai Q), sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp 9, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; 5. Ông Lê Vũ P, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp 2, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; 6. Bà Trần Hồng H (Bảy Trượng), sinh năm 1973; 7. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1979; 8. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971; 9. Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1976; 10. Bà Võ Thanh T, sinh năm 1988; 11. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1966; 12. Ông Phạm Văn A (Hai Gạo), sinh năm 1973; 13. Bà Nguyễn Hoài T, sinh năm 1990; 14. Bà Trần Thị Chi (Chín Cừ), sinh năm 1968; 15. Bà Huỳnh Thúy H, sinh năm 1989; 16. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; 17. Bà Tô Kiều Trang, sinh năm 1979; 18. Bà Phùng Thị Cẩm L, sinh năm 1975; 19. Bà Trần Thị Hn, sinh năm 1985; 20. Bà Nguyễn Thị D (Ba Thu), sinh năm 1962; 21. Bà Nguyễn Kim M (Mút), sinh năm 1989; 22. Bà Lê Hằng M; 23. Bà Huỳnh Thị Diệu; 24. Bà Nguyễn Thị Diêm (Bảy Cá); 25. Bà Nguyễn Hồng Nghĩ (Bé); 26. Bà Lục Dương N; 27. Bà Nguyễn Thị T (Út Cháo); 28. Ông Trần Thị Hâu, sinh năm 1989; 29. Bà Huỳnh Thị Nhung; 30. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1942, cùng địa chỉ: Ấp B, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; 31. Bà Trần Út Nhỏ, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp 4, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; 32. Bà Trần Thị H, sinh năm 1954; Địa chỉ: Ấp 6, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo (Tòa án không triệu tập):*

1. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1967; 2. Bà Nguyễn Thị Phăng (Hai Thép), sinh năm 1964; 3. Bà Nguyễn Thị Mận (Huỳnh Nga), sinh năm 1960; 4. Ông Thái Văn Trang, sinh năm 1983; 5. Bà Nguyễn Thị T; 6. Ông Nguyễn Văn T; 7. Ông Lý Văn C; 8. Ông Thái Văn R, sinh năm 1962, cùng địa chỉ: Ấp A, xã Khánh Tiên, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; 9. Ông Nguyễn Út L, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp 1, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; 10. Bà Tô Thị Bé T, sinh năm 1988; 11. Ông Nguyễn Văn T (Nhanh), sinh năm 1970; 12. Bà Huỳnh Thị X (Năm Xiếu), sinh năm 1961; 13. Bà Trịnh Diệu H, sinh năm 1994; 14. Bà Lê Thị D, sinh năm 1949; 15. Bà Lê Ánh H, sinh năm 1979; 16. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; 17. Bà Nguyễn Bé C, sinh năm 1980; 18. Bà Mai Bích Q, sinh năm 1980; 19. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1945; 20. Bà Huỳnh Mỹ L, sinh năm 1976; 21. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; 22. Bà Ngô Tuyết N (Hai B), sinh năm 1948; 23. Bà Trần Thị H (Mỹ H), sinh năm 1993; 24. Ông Phan Thiện T (Ba T), sinh năm 1968; 25. Bà Phạm Tuyết Đ, sinh năm 1977; 26. Bà Thạch Thị S, sinh năm 1959; 27. Bà Đào Kim Đ, sinh năm 1984; 28. Bà Nguyễn Thị L; 29. Bà Nguyễn Thị K; 30. Bà Nguyễn Thị R (đã chết), Người đại diện hợp pháp: Bà Tô Thị Bé H, sinh năm 1991; 31. Ông Lê Văn C, sinh năm 1979; 32. Ông Trần Văn K; 33. Ông Võ Trọng H; 34. Ông Nguyễn Văn Đ; 35. Bà Phan Thị K; 36. Bà Cao Kiều N; 37. Bà Lê Ngọc G; 38. Ông Huỳnh Văn V, cùng địa chỉ: Ấp B, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; 39. Bà Nguyễn Thị X, địa chỉ: Ấp 4, xã Khánh Hội, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; 40. Ông Thái Văn S, sinh năm 1989, địa chỉ: Phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2017, Huỳnh Thị T bắt đầu làm chủ hội, mở nhiều dây hội cho những người quen biết ở địa phương tham gia với các hình thức: hội 100.000 đồng/chân, 01 ngày khai 01 lần, T hưởng hoa hồng 100.000 đồng trên mỗi kỳ khai hội; hội 200.000 đồng/chân, 07 ngày khai 01 lần, T hưởng hoa hồng 100.000 đồng trên mỗi kỳ khai; hội 1.000.000 đồng/chân, 10 ngày khai 01 lần, T hưởng hoa hồng 500.000 đồng trên mỗi kỳ khai và hội 1.000.000 đồng/chân, 30 ngày khai 01 lần, T hưởng hoa hồng 500.000 đồng trên mỗi kỳ khai.

Trong quá trình điều hành các dây hội, T đã các dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của hội viên bằng các hình thức sau: lợi dụng việc hội viên không đi bỏ thăm để tự ý hốt hội, chiếm đoạt tiền đóng hội của hội viên; lợi dụng việc một số hội viên trong cùng một dây không quen biết nhau để gom tiền hội không đúng giá khai cố định; hội viên có tham gia dây hội và gom tiền hội nhưng thực chất không đưa hội viên vào tham gia dây hội; khi đình hội T không thông báo cho một số hội viên biết mà vẫn tiếp tục gom thêm tiền hội sống; bán hội không cho người khác bằng cách nói với hội viên là có người cần tiền kêu bán hội, nếu mua thì được hưởng lãi (không nói tên người bán hội); nói dối với hội viên về việc mở dây hội mới để bán không, rủ tham gia để chiếm đoạt tiền, đến ngày 02/01/2018 (nhằm ngày 16/11/2017 âm lịch) T tuyên bố ngừng hội, tổng số tiền T chiếm đoạt của các hội viên là 293.268.000 đồng. Cụ thể từng dây hội, T chiếm đoạt tiền như sau:

1. Dây thứ nhất: Mở ngày 12/02/2017 (nhằm ngày 16/01/2017 âm lịch – dây 2), loại hội 1.000.000 đồng, 30 ngày khai 01 lần, tổng số 22 chân, 20 hội viên tham gia; đã khai được 09 kỳ thì đình hội, còn lại 13 kỳ chưa khai. Tại dây hội này, ngày 03/12/2017 (nhằm ngày 16/10/2017 âm lịch), T bán hội không cho bà Nguyễn Thị Đ 01 chân chiếm đoạt 12.800.000 đồng.

2. Dây hội thứ hai: Mở ngày 14/02/2017 (nhằm ngày 18/01/2017 âm lịch), loại hội 200.000 đồng, 07 ngày khai 01 lần, tổng số 51 chân, 28 hội viên tham gia; đã khai được 36 kỳ thì đình hội, còn lại 15 kỳ chưa khai, nhưng trên thực tế còn 17 chân sống do T tự ý lấy tên hội viên hốt lén 02 chân. Cụ thể: tại kỳ khai thứ 03, ngày 07/3/2017 (nhằm ngày 10/02/2017 âm lịch), T tự ý lấy tên hội viên Nguyễn Thị H (tên trong danh sách hội “Đì 3 Hồng”) hốt 01 chân hội, số tiền bỏ thăm 62.000 đồng, chiếm đoạt số tiền hốt được 6.748.000 đồng. Tại kỳ khai thứ 33, ngày 03/10/2017 (nhằm ngày 14/8/2017 âm lịch), T tiếp tục lấy tên bà Hồng hốt 01 chân hội, số tiền bỏ thăm 70.000 đồng, chiếm đoạt số tiền hốt được 8.000.000 đồng. Tổng số tiền T chiếm đoạt tại kỳ 03 và kỳ 33 là 14.748.000 đồng. Đến ngày 15/11/2017 (nhằm ngày 27/9/2017 âm lịch) T nói dối với Nguyễn Thị Đ là có người bán hội và bán không cho Nguyễn Thị Đ 01 chân trong dây hội này chiếm đoạt 6.700.000 đồng. Trong dây hội này, T chiếm đoạt tổng số tiền 21.448.000 đồng.

3. Dây hội thứ ba: Mở ngày 20/8/2017 (nhằm ngày 29/6/2017 - tháng 6 sau âm lịch), loại hội 100.000 đồng, 01 ngày khai 01 lần, tổng số 60 chân, 09 hội viên

tham gia; đã khai được 45 kỳ thì đình hội, còn lại 15 kỳ chưa khai. Tại đây hội này, T đã thực hiện các thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của hội viên với tổng số tiền 79.445.000 đồng, cụ thể: Từ ngày 20/8/2017 đến ngày 03/10/2017 (nhằm ngày 29/6/2017 (tháng 6 sau) đến ngày 14/8/2017 âm lịch), T gom tiền hội của Nguyễn Thị H, 10 chân, 45 kỳ với giá 10.000 đồng nhưng trên thực tế giá khai cố định 15.000 đồng, chiếm đoạt số tiền chênh lệch 2.250.000 đồng.

Đến ngày 02/10/2017 (nhằm ngày 13/8/2017 âm lịch), T bán hội không cho Nguyễn Thị Đ 05 chân trong đây hội này, chiếm đoạt 37.875.000 đồng; ngày 04/10/2017 (nhằm ngày 15/8/2017 âm lịch), T tiếp tục bán hội không cho Đặng Thanh L 08 chân trong đây hội này, chiếm đoạt số tiền 39.320.000 đồng.

4. Dây thứ tư: Mở ngày 27/8/2017 (nhằm ngày 06/7/2017 âm lịch), loại hội 100.000 đồng, 01 ngày khai 01 lần, giá khai cố định 15.000 đồng/chân, tổng số 60 chân, 09 hội viên tham gia; đã khai được 50 kỳ thì đình hội, còn 10 kỳ chưa khai. Tại đây hội này khi hội đã đình, T tiếp tục gom tiền hội sống của Đặng Thanh L 05 chân, thêm 03 kỳ (từ ngày 16 đến ngày 18/10/2017) chiếm đoạt 1.275.000 đồng. Ngoài ra vào ngày 14/10/2017 (nhằm ngày 25/8/2017 âm lịch), T bán hội không cho Đặng Thanh L 05 chân trong đây hội này, chiếm đoạt 24.575.000 đồng. Trong đây hội này, T chiếm đoạt của ông Long 25.850.000 đồng.

5. Dây thứ năm: Mở ngày 31/8/2017 (nhằm ngày 10/7/2017 âm lịch), loại hội 100.000 đồng, 01 ngày khai 01 lần, giá khai cố định 15.000 đồng, tổng số 60 chân, 09 hội viên tham gia; đã khai được 40 kỳ thì đình hội, còn lại 20 kỳ chưa khai nhưng trên thực tế còn 30 chân sống do T tự ý lấy tên hội viên hốt 10 chân. Tại đây hội này, T đã thực hiện các thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của hội viên với tổng số tiền 68.150.000 đồng, cụ thể: Từ ngày 31/8/2017 đến ngày 09/09/2017, T tự ý lấy tên Nguyễn Thị H (tên trong danh sách hội là “Dì 3 Hồng”) hốt 10 chân hội, giá khai cố định 15.000 đồng/kỳ, tuy nhiên có 02 hội viên tham gia 20 chân, T kêu khai với giá 10.000 đồng, chiếm đoạt số tiền hốt được 49.450.000 đồng. Từ ngày 10/9/2017 đến ngày 09/10/2017, T gom tiền hội của Nguyễn Thị H, Trần Hồng H không đúng giá khai cố định mỗi người 10 chân 30 kỳ, chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng (mỗi người 1.500.000 đồng). Ngoài ra khi đã đình hội, T còn tiếp tục gom tiền hội sống của Trần Hồng H (từ ngày 10/10/2017 đến ngày 17/10/2017) 10 chân, 08 kỳ, chiếm đoạt 7.200.000 đồng; gom tiền hội của Võ Thanh T (từ ngày 10/10/2017 đến ngày 19/10/2017) 10 chân, 10 kỳ, chiếm đoạt 8.500.000 đồng.

6. Dây thứ sáu: Mở ngày 28/9/2017 (nhằm ngày 09/8/2017 âm lịch), loại hội 100.000 đồng, 07 ngày khai 01 lần, tổng số 60 chân, 22 hội viên tham gia; đã khai được 20 kỳ, còn lại 40 kỳ chưa khai. Tại đây hội này, T đã thực hiện các thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của hội viên với tổng số tiền 39.085.000 đồng, cụ thể: Từ ngày 28/9/2017 đến ngày 16/10/2017, T gom tiền hội của Đỗ Thị L 06 chân, 19 kỳ với giá 10.000 đồng/kỳ, không đúng giá khai cố định là 15.000 đồng, lấy chênh lệch 5.000 đồng/kỳ so với giá khai cố định, chiếm đoạt 570.000 đồng. Khi đã đình hội, T còn tiếp tục gom tiền hội sống của Đặng Thanh L (18/10/2017) 08 chân, 01 kỳ, chiếm đoạt 680.000 đồng; gom tiền hội sống của Ngô Thị H (từ ngày 18/10/2017 đến ngày 14/11/2017) 01 chân, 28 kỳ, chiếm đoạt 2.380.000 đồng; gom tiền hội

sống của Trần Thị H (từ ngày 18/10/2017 đến ngày 14/11/2017) 01 chân, 28 kỳ, chiếm đoạt 2.380.000 đồng. Từ ngày 28/9/2017 đến ngày 16/10/2017 T gom tiền hụi của Nguyễn Thị H 10 chân, 10 kỳ (nhưng không đưa bà Hồng vào danh sách hụi viên của dây hụi này), chiếm đoạt của bà Hồng 8.500.000 đồng.

Ngoài ra vào ngày 18/10/2017 (nhằm ngày 29/8/2017 âm lịch), Huỳnh Thị T còn bán khống cho Đặng Thanh L 05 chân trong dây hụi này chiếm đoạt số tiền 24.575.000 đồng.

Mặt khác, trong quá trình làm chủ hụi, T còn dùng thủ đoạn gian dối khác để chiếm đoạt của hụi viên tổng số tiền 46.490.000 đồng, cụ thể: Ngày 23/8/2017 (nhằm ngày 02/7/2017 âm lịch), T nói dối với Nguyễn Thị H là mở dây hụi mới và bán cho bà Hồng 06 chân, chiếm đoạt 29.490.000 đồng. Tiếp đến ngày 19/9/2017 (nhằm ngày 29/7/2017 âm lịch), T tiếp tục nói dối với Nguyễn Thị H là mở dây hụi mới, bà Hồng tham gia 10 chân, đóng cho T 20 kỳ, loại hụi ngày 100.000 đồng, giá khui 15.000 đồng/ngày, T đã chiếm đoạt của bà Hồng số tiền 17.000.000 đồng.

Kết quả điều tra Huỳnh Thị T thừa nhận đã lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền là 293.268.000 đồng, số tiền trên T dùng vào việc chi xài cá nhân khoảng 30.000.000 đồng, số còn lại dùng vào việc lập hụi khi hụi viên trong các dây hụi hốt nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết.

Ngoài ra, T còn mở dây hụi ngày 24/5/2017 (nhằm ngày 29/4/2017 âm lịch) và ngày 12/02/2017 (nhằm ngày 16/01/2017 âm lịch – dây 1), quá trình điều tra đã xác định rõ 02 dây hụi này, Huỳnh Thị T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, không có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của các hụi viên. Đồng thời, tại các dây hụi mở ngày 12/02/2017 (nhằm ngày 16/01/2017 âm lịch – dây 1), dây hụi ngày 14/02/2017 (nhằm 18/01/2017 âm lịch) và dây hụi ngày 28/9/2017 (nhằm ngày 09/8/2017 âm lịch), một số hụi viên kêu hốt tại kỳ cuối trước khi đình hụi nhưng T chưa giao hụi. Xét thấy, việc T chưa giao hụi là do các hụi viên khác tại 03 dây hụi này chưa đóng tiền hụi đầy đủ, nên T không thể thực hiện được nghĩa vụ giao tiền hụi cho hụi viên kêu hốt, vì vậy, T không có hành vi gian dối để chiếm đoạt số tiền trên.

Sau khi tuyên bố ngừng hụi, Huỳnh Thị T cùng các hụi viên trừ cần hụi sống, hụi chết, nợ ngoài và tiền khắc phục hậu quả, hiện T còn nợ tiền các hụi viên, cụ thể như sau:

Nguyễn Thị H số tiền 163.423.000 đồng; Nguyễn Thị Đ số tiền 63.974.000 đồng; Trần Hồng H số tiền 102.000.000 đồng; Đỗ Thị L số tiền 29.660.000 đồng; Đặng Thanh L số tiền 331.370.000 đồng; Nguyễn Thị M số tiền 22.200.000 đồng; Nguyễn Ngọc D số tiền 29.100.000 đồng; Võ Thanh T số tiền 63.300.000 đồng; Phạm Thị L số tiền 2.100.000 đồng; Tô Thị Bé T số tiền 32.000.000 đồng; Nguyễn Văn T số tiền 5.665.000 đồng; Huỳnh Thị X số tiền 5.665.000 đồng; Nguyễn Út L số tiền 18.000.000 đồng; Trịnh Diệu H số tiền 15.000.000 đồng; Trần Út Nhỏ số tiền 9.120.000 đồng; Lê Thị D số tiền 6.400.000 đồng; Ngô Thị H số tiền 4.600.000 đồng; Lê Ánh H số tiền 15.700.000 đồng; Nguyễn Thị T số tiền 2.000.000 đồng; Thái Văn R số tiền 5.835.000 đồng; Nguyễn Bé C số tiền 15.000.000 đồng; Mai Bích Q số tiền 9.000.000 đồng; Nguyễn Thị P số tiền

8.099.000 đồng; Huỳnh Mỹ L số tiền 15.000.000 đồng; Phan Thị Đ số tiền 71.817.000 đồng; Trần Thị H số tiền 4.080.000 đồng.

Những hội viên đã thỏa thuận hoặc thanh toán xong với Huỳnh Thị T, không yêu cầu giải quyết gồm: Trần Thị Hâu, Trần Thị Hn, Nguyễn Thị D, Lê Thị Q, Phạm Văn A, Nguyễn Hoài T, Nguyễn Kim M, Trần Hồng T, Trần Thị Chi, Lê Vũ P, Huỳnh Thúy H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Ngô Tuyết N, Trần Thị H, Nguyễn Thị P, Phan Thiện T, Thái Văn S, Nguyễn Thị M, Tô Kiều T, Phạm Tuyết Đ. Những hội viên đã hốt hụi, còn nợ lại tiền hụi của T gồm: Phùng Thị Cẩm L, Thạch Thị S, Đào Kim Đ.

Ngoài ra, có 23 hội viên, Cơ quan điều tra không làm việc được do vắng mặt ở địa phương hoặc đã chết gồm: Phan Thị K, Cao Kiều N, Võ Trọng H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị T, Lê Văn C, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, Lục Dương N, Nguyễn Hồng N, Nguyễn Thị D, Lê Hằng M, Huỳnh Thị D, Huỳnh Thị N, Trần Văn K, Nguyễn Thị R, Huỳnh Văn V, Lê Ngọc G, Nguyễn Thị X, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị T, Lý Văn C.

Huỳnh Thị T đã bồi thường số tiền chiếm đoạt cho bị hại Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Đ mỗi người 1.500.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2021/HS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 48; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Về trách nhiệm hình sự: Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị T **03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo có trách nhiệm trả cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 606.259.000 đồng, cụ thể như sau:

Nguyễn Thị H số tiền 155.324.000 đồng; Nguyễn Thị Đ số tiền 55.875.000 đồng; Trần Hồng H số tiền 63.121.000 đồng; Đỗ Thị L số tiền 14.810.000 đồng; Đặng Thanh L số tiền 144.400.000 đồng; Nguyễn Thị M số tiền 4.752.000 đồng; Nguyễn Ngọc D số tiền 4.752.000 đồng; Võ Thanh T số tiền 48.165.000 đồng; Tô Thị Bé T số tiền 5.665.000 đồng; Nguyễn Út L số tiền 5.665.000 đồng; Lê Thị D số tiền 3.400.000 đồng; Lê Ánh H số tiền 3.400.000 đồng; Nguyễn Bé C số tiền 3.400.000 đồng; Phan Thị Đ số tiền 47.520.000 đồng; Trịnh Diệu H số tiền 13.600.000 đồng; Ngô Thị H số tiền 4.080.000 đồng; Nguyễn Thị T số tiền 1.700.000 đồng; Phạm Thị L số tiền 2.100.000 đồng; Nguyễn Văn T số tiền 5.665.000 đồng; Huỳnh Thị X số tiền 5.665.000 đồng; Trần Út Nhỏ số tiền 9.120.000 đồng; Trần Thị H số tiền 4.080.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận đối với phần lãi hui trong các dây hui bị truy tố mà các hui viên yêu cầu gồm:

Trần Hồng H số tiền 15.479.000 đồng; Nguyễn Thị M số tiền 2.448.000 đồng; Nguyễn Ngọc D số tiền 2.448.000 đồng; Võ Thanh T số tiền 10.835.000 đồng; Tô Thị Bé T số tiền 3.335.000 đồng; Nguyễn Út L số tiền 3.335.000 đồng; Lê Thị D số tiền 600.000 đồng; Lê Ánh H số tiền 600.000 đồng; Nguyễn Bé C số tiền 600.000; Ngô Thị H số tiền 520.000 đồng; Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng; Trịnh Diệu H số tiền 1.400.000 đồng; Phan Thị Đ số tiền 24.480.000 đồng.

Tách phần dân sự đối với các hui viên còn nợ tiền hui của bị cáo, các hui viên mà bị cáo còn nợ tiền hui nhưng không liên quan đến khoản tiền bị cáo chiếm đoạt hoặc chưa có cơ sở xác định trong vụ án này, các khoản tiền vay khác và các hui viên không làm việc được. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22 tháng 03 năm 2021 các bị hại Phan Thị Đ và Đặng Thanh L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bị hại trả thêm số tiền hui, tăng nặng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi cho Bị hại Phan Thị Đ trình bày: Phải áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Bà T phạm tội nhiều lần. Án sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử mức án dưới khung hình phạt là chưa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đề nghị tăng hình phạt. Yêu cầu trả thêm số tiền hui của dây hui ngày 29/4/2017 âm lịch, số tiền 24.297.000 đồng.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại Đặng Thanh L và bị hại Đặng Thanh L trình bày: Phải áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Bà T phạm tội nhiều lần. Án sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử mức án dưới khung hình phạt là chưa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đề nghị tăng hình phạt. Yêu cầu trả thêm số tiền của 03 dây hui, cụ thể:

Dây 01/8/2017 âm lịch: 36.975.000 đồng; dây 10/7/2017 âm lịch: 62.475.000 đồng; dây 29/6/2017: 56.100.000 đồng.

Ngoài ra, Luật sư đề nghị xem xét việc án sơ thẩm không ghi nhận sự thỏa thuận trả nợ giữa bị cáo và bị hại mà tách ra, làm ảnh hưởng quyền lợi của bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo nhưng vẫn giữ y mức án và đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2021/HS-ST ngày 08/03/2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Huỳnh Thị T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng và bản án sơ thẩm đã xét xử, theo đó bị cáo đã lợi dụng việc mở 06 dây hụi, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của hụi viên bằng các hình thức lợi dụng việc hụi viên không đi bỏ thăm để tự ý hốt hụi, chiếm đoạt tiền đóng hụi của hụi viên; lợi dụng việc một số hụi viên trong cùng một dây không quen biết nhau để gom tiền hụi không đúng giá khui cố định; hụi viên có tham gia dây hụi và gom tiền hụi nhưng thực chất không đưa hụi viên vào tham gia dây hụi; khi đình hụi T không thông báo cho một số hụi viên biết mà vẫn tiếp tục gom thêm tiền hụi sống; bán hụi không cho người khác bằng cách nói với hụi viên là có người cần tiền kêu bán hụi, nếu mua thì được hưởng lãi (không nói tên người bán hụi); nói dối với hụi viên về việc mở dây hụi mới để bán không, rủ tham gia để chiếm đoạt tiền. Tổng số tiền bị cáo T chiếm đoạt của các hụi viên là 293.268.000 đồng, thể hiện qua 06 dây hụi cụ thể từng dây hụi.

- Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 12/02/2017 (nhằm ngày 16/01/2017 âm lịch – dây 2), loại hụi 1.000.000 đồng, 30 ngày khui 01 lần, T bán hụi không chiếm đoạt số tiền 12.800.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Mở ngày 14/02/2017 (nhằm ngày 18/01/2017 âm lịch), loại hụi 200.000 đồng, 07 ngày khui 01 lần, T tự ý lấy tên hụi viên để hốt hụi chiếm đoạt 14.748.000 đồng, bán hụi không chiếm đoạt 6.700.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt trong dây hụi này là 21.448.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Mở ngày 20/8/2017 (nhằm ngày 29/6/2017 - tháng 6 sau âm lịch), loại hụi 100.000 đồng, 01 ngày khui 01 lần, T gom tiền hụi không đúng giá khui cố định chiếm đoạt 2.250.000 đồng, bán hụi không chiếm đoạt 77.195.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt trong dây hụi này là 79.445.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Mở ngày 27/8/2017 (nhằm ngày 06/7/2017 âm lịch), loại hụi 100.000 đồng, 01 ngày khui 01 lần, sau khi đình hụi, T tiếp tục gom tiền hụi sống chiếm đoạt 1.275.000 đồng, bán hụi không chiếm đoạt 24.575.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt trong dây hụi này là 25.850.000 đồng.

- Dây hụi thứ năm: Mở ngày 31/8/2017 (nhằm ngày 10/7/2017 âm lịch), loại hụi 100.000 đồng, 01 ngày khui 01 lần, T tự ý lấy tên hụi viên để hốt hụi chiếm đoạt 49.450.000 đồng, gom tiền hụi không đúng giá khui cố định chiếm đoạt

3.000.000 đồng, sau khi đình hui lại tiếp tục gom tiền hui sống chiếm đoạt 15.700.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt trong dây hui này là 68.150.000 đồng.

- Dây hui thứ sáu: Mở ngày 28/9/2017 (nhằm ngày 09/8/2017 âm lịch), loại hui 100.000 đồng, 07 ngày khui 01 lần, T gom tiền hui không đúng giá khui cố định chiếm đoạt 570.000 đồng, sau khi đình hui lại tiếp tục gom tiền hui sống chiếm đoạt 5.440.000 đồng, không đưa tên hui viên vào danh sách hui nhưng vẫn gom tiền hui chiếm đoạt 8.500.000 đồng, bán hui khổng chiếm đoạt 24.575.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt trong dây hui này là 39.085.000 đồng.

Ngoài ra, T còn nói dối với hui viên mở hui mới và gom tiền hui nhưng thực tế không mở hui, chiếm đoạt số tiền 46.490.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2021/HS-ST ngày 08/03/2021 của Tòa án nhân dân huyện U Minh tuyên bố bị cáo Huỳnh Thị T tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 là có căn cứ pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[2] Xét kháng cáo của các bị hại Phan Thị Đ và Đặng Thanh L về các vấn đề:

[2.1] Đối với kháng cáo của bà Phan Thị Đ yêu cầu trả thêm số tiền dây hui ngày 29/4/2017 âm lịch, số tiền 24.297.000 đồng (tại cấp sơ thẩm bà Đẹp yêu cầu luôn cả tiền lãi, tổng cộng là 45.000.000 đồng). Quá trình điều tra đã xác định dây hui ngày 29/4/2017 âm lịch Huỳnh Thị T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, không có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của các hui viên. Do đó, án sơ thẩm nhận định số nợ hui của dây hui ngày 29/4/2017 âm lịch là giao dịch dân sự nên Huỳnh Thị T và các hui viên (trong đó có bà Phan Thị Đ) có quyền thỏa thuận trả nợ hoặc khởi kiện bằng một vụ án dân sự là đúng với quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó kháng cáo của bà Đẹp về yêu cầu bị cáo trả thêm số tiền nợ hui 24.297.000 đồng không được chấp nhận.

[2.2] Đối với kháng cáo của ông Đặng Thanh L yêu cầu bị cáo T trả thêm tổng số tiền 155.550.000 đồng thể hiện qua 03 dây hui, ngoài số tiền mà án sơ thẩm đã buộc bị cáo trả cho ông, cụ thể: Dây hui ngày 29/6/2017 âm lịch là 56.100.000 đồng; dây hui ngày 10/7/2017 âm lịch là 62.475.000 đồng; dây hui ngày 01/8/2017 âm lịch là 36.975.000 đồng.

- Đối với gậy hui ngày 29/6/2017 âm lịch, ông Long yêu cầu số tiền 56.100.000 đồng, là số tiền 10 chân hui. Dây hui này bị cáo T khai ông Long tham gia 15 chân, đã hót 10 chân, còn lại 5 chân, T có lên danh sách để theo dõi. Ông Long không thừa nhận có hót 10 chân. Nhận thấy tại bản chính danh sách T theo dõi hui viên đóng tiền hui do Cơ quan cảnh sát điều tra thu thập (bút lục 449) thể hiện bà Đẹp (vợ ông Long) đã hót 10 chân hui. Như vậy, lời trình bày của bị cáo T là có căn cứ chấp nhận, do đó không chấp nhận kháng cáo phần này của ông Long.

- Đối với dây hui ngày 10/7/2017 âm lịch, ông Long yêu cầu số tiền 62.475.000 đồng. Nhận thấy tại bản chính danh sách T theo dõi hui viên đóng tiền hui do Cơ quan cảnh sát điều tra thu thập (Bút lục 453) không có tên ông Long

hoặc bà Đẹp. Tại biên bản đối chất ngày 24/12/2018 ông Long xác định ông không có giấy tờ gì chứng minh ông tham gia 15 chân trong dây hụi này (bút lục 287). Do đó không có căn cứ cho là ông Long có tham gia dây hụi ngày 10/7/2017 như ông Long trình bày. Vì vậy, kháng cáo phần này của ông Long không được chấp nhận.

- Đối với dây hụi ngày 01/8/2017 âm lịch, ông Long yêu cầu số tiền 36.975.000 đồng. Dây hụi này ông Long khai tham gia 15 chân, loại hụi 100 ngàn/ngày, đã đóng 30 kỳ. Ông Long cung cấp giấy hụi do T viết, trong đó thể hiện dây hụi mở ngày 01/8, ông Long trình bày ông lấy được khi T để dưới thớt thịt heo trên quầy T bán hàng ngày. Đối với bị cáo T khai tờ giấy hụi này T có ghi nhưng chỉ ghi nháp, vì kêu không ai chơi nên bị cáo không mở dây hụi này.

Nhận thấy: Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/02/2000 (bút lục 629), ông Long xác định tờ giấy nợ mà ông cung cấp cho Cơ quan điều tra thể hiện ngày 29/8/2017 âm lịch T ghi nợ của chế Đẹp tiền hụi 242.900.000 đồng thực chất là T ghi nhận nợ cho ông, do ông tham gia chơi hụi và để vợ là bà Đẹp đứng tên cho nên khi T ghi giấy nợ đã ghi là nợ của chế Đẹp tiền hụi 242.900.000 đồng.

Tại biên bản hỏi cung bị can ngày 31/3/2020 (bút lục 641), Huỳnh Thị T xác định số tiền 242.900.000 đồng T viết trong giấy nợ ngày 29/8/2017 là T nợ hai vợ chồng Đẹp và Long, cụ thể: Tại dây hụi ngày 18/01/2017 âm lịch vợ chồng Long chơi 10 chân, đóng 36 kỳ, loại hụi 200.000 đồng, T còn nợ lại 72.000.000 đồng cả lãi, vốn. Tại dây hụi ngày 29/4/2017 âm lịch, loại hụi 10 ngày khui 1 lần, giá 100.000 đồng, Đẹp tham gia 05 chân (trong đó 01 chân đứng tên dùm mẹ Đẹp và 01 chân đứng tên dùm chị Đẹp, chị của Đẹp đã hốt nên chỉ còn chân của mẹ Đẹp và 03 chân của Đẹp), tổng 04 chân còn sống, đóng được 15 kỳ là 60.000.000 đồng. Tại dây ngày 29/6/2017 âm lịch, loại hụi ngày 01 chân, giá 100.000 đồng, Đẹp tham gia 15 chân, đã hốt 10 chân, còn 05 chân sống, đóng 45 kỳ, T còn nợ lại 22.500.000 đồng (do Đẹp đã đóng đủ 10 chân cho T trước đó). Dây ngày 06/7/2017 âm lịch, hụi ngày 100.000 đồng, Đẹp tham gia 05 chân, đóng được 53 kỳ, số tiền 26.500.000 đồng. Dây ngày 09/8/2017 âm lịch, hụi ngày 100.000 đồng, Đẹp tham gia chơi 08 chân, đóng được 21 kỳ, số tiền 16.800.000 đồng. Tiền nợ ngoài T thiếu Đẹp tính đến đầu tháng 07 năm 2017 là 31.200.000 đồng nhưng đến thời điểm ghi nợ vào ngày 29/8/2017 thì T nợ khoảng 45.200.000 đồng (01 ngày góp cho Đẹp 400.000 đồng vốn và lãi)

Từ lời khai của ông Long, của bị cáo T nêu trên, cho thấy ngày 29/8/2017 âm lịch giữa ông Long và bị cáo T đã thỏa thuận nợ, T đã viết giấy nhận nợ. Chi tiết số nợ trong giấy phù hợp với lời khai, trình bày của bị cáo T về các khoản nợ, phù hợp với tổng số tiền nợ ghi trong giấy nợ. Do đó, không có căn cứ cho là còn số nợ hụi 36.975.000 của dây hụi ngày 01/8/2017, sau khi cả hai chốt nợ và T ghi giấy nhận nợ cho ông Long vào ngày 29/8/2017 âm lịch. Vì vậy, kháng cáo về số nợ 36.975.000 đồng không được chấp nhận.

[2.3] Đối với kháng cáo của ông Long, bà Đẹp về việc yêu áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên và yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần thông qua việc mở 06 dây hụi tại những thời điểm khác nhau, hành vi của bị cáo thuộc tình tiết tăng nặng “Phạm tội hai lần trở lên”. Cấp sơ thẩm không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là chưa chính xác. Do đó kháng cáo của ông Long, bà Đẹp yêu cầu áp dụng thêm tình tiết tăng nặng “Phạm tội hai lần trở lên” và tăng hình phạt đối với bị cáo T được chấp nhận.

[3] Do yêu cầu kháng cáo của các bị hại được chấp nhận 1 phần nên các bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị hại Phan Thị Đ và Đặng Thanh L về phần hình phạt; không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phan Thị Đ và Đặng Thanh L về phần trách nhiệm dân sự.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2021/HS-ST ngày 08 tháng 03 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện U Minh về phần hình phạt;

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 48; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị T **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Bác yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị Đ yêu cầu bị cáo trả thêm số tiền dây hụi ngày 29/4/2017, số tiền 24.297.000 đồng.

Bác yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Thanh L yêu cầu bị cáo trả thêm số tiền của 03 dây hụi ngày 29/6/2017, 10/7/2017 và 01/8/2017, với tổng số tiền là 155.550.000 đồng.

Buộc bị cáo có trách nhiệm trả cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 606.259.000 đồng, cụ thể như sau:

- Nguyễn Thị H số tiền 155.324.000 đồng.
- Nguyễn Thị Đ số tiền 55.875.000 đồng.
- Trần Hồng H số tiền 63.121.000 đồng.
- Đỗ Thị L số tiền 14.810.000 đồng.

- Đặng Thanh L số tiền 144.400.000 đồng.
- Nguyễn Thị M số tiền 4.752.000 đồng.
- Nguyễn Ngọc D số tiền 4.752.000 đồng.
- Võ Thanh T số tiền 48.165.000 đồng.
- Tô Thị Bé T số tiền 5.665.000 đồng.
- Nguyễn Út L số tiền 5.665.000 đồng.
- Lê Thị D số tiền 3.400.000 đồng.
- Lê Ánh H số tiền 3.400.000 đồng.
- Nguyễn Bé C số tiền 3.400.000 đồng.
- Phan Thị Đ số tiền 47.520.000 đồng.
- Trịnh Diệu H số tiền 13.600.000 đồng.
- Ngô Thị H số tiền 4.080.000 đồng.
- Nguyễn Thị T số tiền 1.700.000 đồng.
- Phạm Thị L số tiền 2.100.000 đồng.
- Nguyễn Văn T số tiền 5.665.000 đồng.
- Huỳnh Thị X số tiền 5.665.000 đồng.
- Trần Út Nhỏ số tiền 9.120.000 đồng.
- Trần Thị H số tiền 4.080.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận đối với phần lãi hui trong các dây hui bị truy tố mà các hui viên yêu cầu gồm:

- Trần Hồng H số tiền 15.479.000 đồng.
- Nguyễn Thị M số tiền 2.448.000 đồng.
- Nguyễn Ngọc D số tiền 2.448.000 đồng.
- Võ Thanh T số tiền 10.835.000 đồng.
- Tô Thị Bé T số tiền 3.335.000 đồng.
- Nguyễn Út L số tiền 3.335.000 đồng.
- Lê Thị D số tiền 600.000 đồng.
- Lê Ánh H số tiền 600.000 đồng.
- Nguyễn Bé C số tiền 600.000.
- Ngô Thị H số tiền 520.000 đồng.
- Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng.
- Trịnh Diệu H số tiền 1.400.000 đồng.

- Phan Thị Đ số tiền 24.480.000 đồng.

Tách phần dân sự đối với các hội viên còn nợ tiền hội của bị cáo, các hội viên mà bị cáo còn nợ tiền hội nhưng không liên quan đến khoản tiền bị cáo chiếm đoạt hoặc chưa có cơ sở xác định trong vụ án này, các khoản tiền vay khác và các hội viên không làm việc được. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự.

3. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự có giá ngạch bị cáo phải chịu 28.250.000 (hai mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Các bị hại Phan Thị Đ và Đặng Thanh L không phải chịu án phí phúc thẩm. Đã dự nộp được nhận lại.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Công an huyện U Minh;
- Viện kiểm sát nhân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh